

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số bản án: **124/2018/DS-ST**

Ngày: 11/10/2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Diệu.

Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A; trụ sở: B C, phường D, quận E, Thành phố F.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Hồng H, sinh năm: 1990, cư trú tại: số G, đường I, phường K, thành phố M. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1990; nơi cư trú: N, ấp Q, xã X, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, bản tự khai, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Hồng H trình bày:

Ngày 07/12/2013, anh Nguyễn Thanh P có ký hợp đồng tín dụng số 20131214-104007-0002 với Ngân hàng A vay số tiền là 31.500.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, anh Nguyễn Thanh P có trách nhiệm thanh toán số tiền là 57.904.000 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.609.000 đồng, tháng cuối cùng trả

1.589.000 đồng, thanh toán trong 18 tháng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu vào ngày 18/01/2014. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng A được 04 lần với số tiền là 11.936.000 đồng. Kể từ ngày khởi kiện tại Tòa án cho đến nay, anh P thanh toán cho Ngân hàng thêm số tiền 4.400.000 đồng. Do anh P đã vi phạm thỏa thuận thanh toán đối với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh P thanh lý hợp đồng theo phương thức sau: Trả toàn bộ nợ gốc đến hạn là 19.790.330 đồng. Trả toàn bộ nợ lãi là 21.777.670 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu anh P phải trả là 41.568.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thanh P vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thanh P đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh P các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện và nộp kèm theo bản sao giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131214-104007-0002 ngày 07/12/2013 ký kết giữa Ngân hàng A với anh Nguyễn Thanh P, vay số tiền là 31.500.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay trả góp; Theo đề nghị vay vốn kim hợp đồng tín dụng ngày 15/12/2013 giữa anh Nguyễn Thanh P với Ngân hàng A. Như vậy, có cơ sở xác định ngày 07/12/2013, giữa Ngân hàng A với anh Nguyễn Thanh P có thỏa thuận về việc ký hợp đồng tín dụng vay trả góp.

Do Ngân hàng A là một tổ chức tín dụng, có đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tín dụng nên việc áp dụng pháp luật khi giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cao hơn 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

[4] Do anh P vay nợ nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A khởi kiện chấm dứt hợp đồng tín dụng và yêu cầu anh P phải trả nợ theo thỏa thuận của các bên.

[5] Tuy đến các kỳ thanh toán nợ cho Ngân hàng A nhưng anh P vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Cho đến khi phía Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vẫn không đến Tòa giải quyết vụ án để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng phía Ngân hàng đã chứng minh được anh P còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 41.568.000 đồng, căn cứ vào hợp đồng tín dụng và mức lãi suất do các bên thỏa thuận mà phía Ngân hàng cung cấp. Vì vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ mà Ngân hàng đã cung cấp được. Xem như anh P đã mặc nhiên thừa nhận và từ bỏ quyền phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh phía Ngân hàng đã cung cấp.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng A và buộc anh P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền là 41.568.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 19.790.330 đồng, nợ lãi: 21.777.670 đồng.

[7] Về án phí:

Anh P phải chịu án phí là 5% của số tiền 41.568.000 đồng, được tính là 2.078.400 đồng. Ngân hàng A không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.149.200 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 357, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với anh Nguyễn Thanh P về yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay.

[3] Buộc anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền là 41.568.000 đồng (*Bốn mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), trong đó gồm: Nợ gốc là 19.790.330 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), nợ lãi là 21.777.670 đồng (*Hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*).

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Thanh P còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A số tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131214-104007-0002 đã ký ngày 07/12/2015 giữa anh Nguyễn Thanh P và Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp Ngân hàng A có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà anh Nguyễn Thanh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.078.400 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm đồng*).

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.149.200 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm đồng*) theo biên lai thu số 0016821 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

[6] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Minh Tâm